

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Chiến lược hành động HĐTL

VN30F2403	1.276	↑ 0,19	KLGD	226.526
			OI	43.905

TRONG NGÀY	NDT tiếp tục tìm điểm Long trong các nhịp rung lắc với vùng hỗ trợ 1.264-1.269 điểm, chốt lời khi chỉ số tiệm cận vùng cản mạnh 1.281 điểm
NGẮN HẠN	Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích.

Nhận định thị trường HĐTL

- **TTCK thế giới:** Chứng khoán Mỹ tăng điểm vào ngày thứ Năm (07/03), đưa S&P 500 và Nasdaq Composite quay trở lại các mức cao kỷ lục, khi hy vọng về việc lạm phát hạ nhiệt và đà tăng từ nhóm cổ phiếu công nghệ đã hỗ trợ sự phục hồi của Phố Wall vào giữa tuần.
- **TTCK phái sinh trong nước:**
 - Các HĐTL đóng cửa hoàn toàn trong sắc xanh. Mức độ tăng dù không quá lớn nhưng cho thấy nỗ lực đảo chiều tích cực, tương tự diễn biến của thị trường cơ sở.
 - Thanh khoản phiên này giảm 8,72% xuống 226.526 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng hợp đồng tháng 3 với 484 hợp đồng, lũy kế mua ròng còn 14.896 hợp đồng.
 - Trên biểu đồ kỹ thuật khung 1 giờ, sau quá trình reset vùng hỗ trợ 1.250-1.260 điểm, VN30F2403 đã phục hồi trở lại để tiến sát vùng kháng cự 1.280-1.283 điểm. RSI và MACD duy trì tín hiệu trung tính. VN30F2403 có thể tiếp tục hướng đến vùng 1.280-1.283 điểm và sẽ diễn ra rung lắc tại vùng kháng cự mạnh này. Chiến lược tiếp tục tìm điểm Long trong các nhịp rung lắc với vùng hỗ trợ 1.264-1.269 điểm, chốt lời khi chỉ số tiệm cận vùng cản mạnh 1.281 điểm.

Giá trị hợp lý các HĐ tương lai

Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Giá hiện tại	Giá hợp lý	+/-
VN30F2403	21/03/2024	1.275,80	1.277,25	1,45
VN30F2404	18/04/2024	1.277,30	1.278,86	1,56
VN30F2406	20/06/2024	1.277,60	1.282,48	4,88
VN30F2409	19/09/2024	1.275,00	1.287,73	12,73

(Nguồn: Bloomberg, VPBankS)

CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền nổi bật

CVPB2322	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	4,01
Độ nhạy	0,28
Hao mòn thời gian	-0,01
Độ biến động nội hàm	50,19
Phần bù rủi ro	16,40

Tổng điểm chất lượng **Tốt** ★★★★★

Nhận định thị trường CW

- Thị trường chứng quyền hồi phục sau phiên chốt lời trên diện rộng hôm trước nhờ có tới 13 cổ phiếu cơ sở tăng điểm, chỉ 7 cổ phiếu giảm. Nhóm CW dựa trên các cổ phiếu bán lẻ, thực phẩm (MSN, MWG) có phiên giao dịch tích cực.
- Dừng lúc đóng cửa, đã có hơn 76,78 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 76,99 tỷ đồng. So với phiên ngày hôm trước, khối lượng CW giảm 4% và giá trị giao dịch giảm 1%. Thanh khoản thị trường cao hơn so với bình quân 5 phiên trước đó 5% về khối lượng và cao hơn 8% về giá trị.
- Thanh khoản phiên này tập trung ở các mã CW dựa theo cổ phiếu HPG, STB và MWG. Thứ tự thanh khoản của ba mã này lần lượt chiếm 23,9%; 16,1% và 8,6%.
- Thị trường cơ sở tiếp tục tăng điểm và tiến sát kháng cự mạnh tại 1.280 - 1.300 điểm. Do vậy các nhịp rung lắc sẽ thường xuyên xảy ra ở khu vực kháng cự này, nhà đầu tư nên giữ vị thế đối với các mã CW dựa trên nhóm cổ phiếu bán lẻ, ngân hàng, Vingroup, ... trong khi chưa vội mở thêm vị thế mua mới.

Thống kê thị trường CW

Số lượng mã CW	222
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	20
Phần bù rủi ro bình quân	13,544
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	4,24x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	01/08/2024

PHỤC HỒI TRỞ LẠI

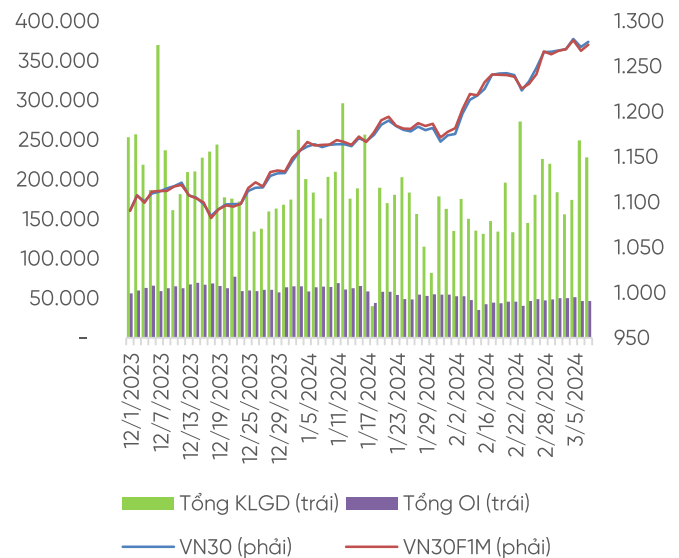
Diễn biến chỉ số HĐTL các kỳ hạn

Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số ngày còn lại	Giá	% Chg	Độ lệch	KLGD	% Chg	OI	%Chg	%Chg BQ 5 phiên
VN30F2403	21/03/2024	13	1.275,80	0,19	(0,76)	226.526	-8,72	43.905	2,04	-4,02
VN30F2404	18/04/2024	41	1.277,30	0,04	0,74	944	51,52	2.144	23,93	31,95
VN30F2406	20/06/2024	104	1.277,60	0,13	1,04	67	-61,49	749	-0,93	1,85
VN30F2409	19/09/2024	195	1.275,00	0,69	(1,56)	40	0,00	440	2,33	3,24

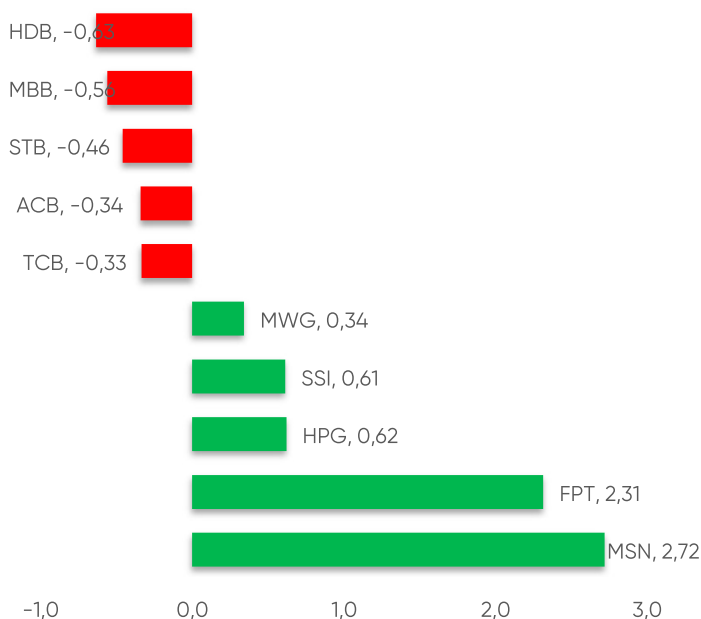
Nhận định VN30

- **Cổ phiếu MSN bật mạnh và tăng 5,1% lên 80.800 đồng, mức cao nhất ngày, khớp lệnh hơn 8,72 triệu đơn vị. Đây cũng là cổ phiếu tăng tốt nhất trong rổ VN30 và đóng góp lớn nhất cho chỉ số.** Một số bluechip khác cũng có phiên chiều ấn tượng, với BCM +4,23% lên 69.000 đồng, BVH +3,7% lên 44.900 đồng, PLX +3,5% lên 37.500 đồng. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ bao trùm nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, VIB, TCB, ACB, MBB, CTG,...
- **Chỉ số VN30-Index tăng 0,43% lên mức 1.276,56 điểm. KLGD ghi nhận 265,62 triệu CP (~10.799 tỷ đồng giá trị).**
- **Khối ngoại bán ròng phiên thứ 3 liên tiếp với giá trị hơn 70 tỷ đồng trên toàn thị trường.** Trong đó, các cổ phiếu ở rổ VN30 bị bán ròng như VNM, VHM, SAB, VCB, MWG, HPG,... Ngược lại, các mã được mua ròng là SSI, VRE, VIC,...

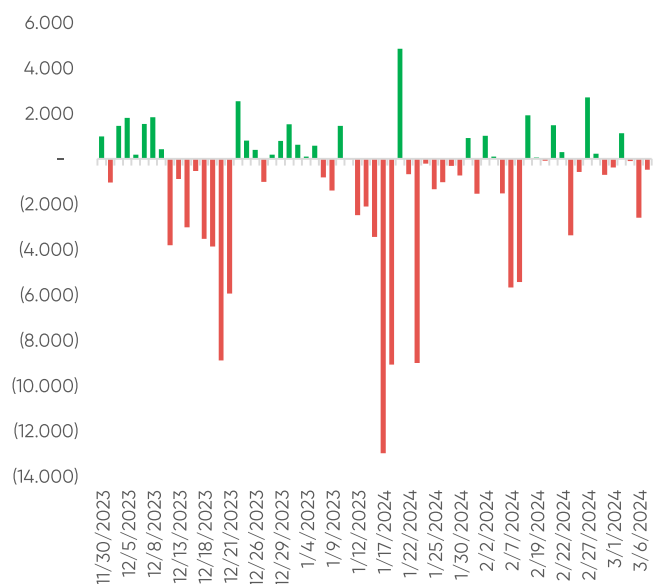
Diễn biến thanh khoản VN30F1M



Top Cổ phiếu ảnh hưởng VN-30 Index



KLGD ròng của NĐTNN với VN30F1M



(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

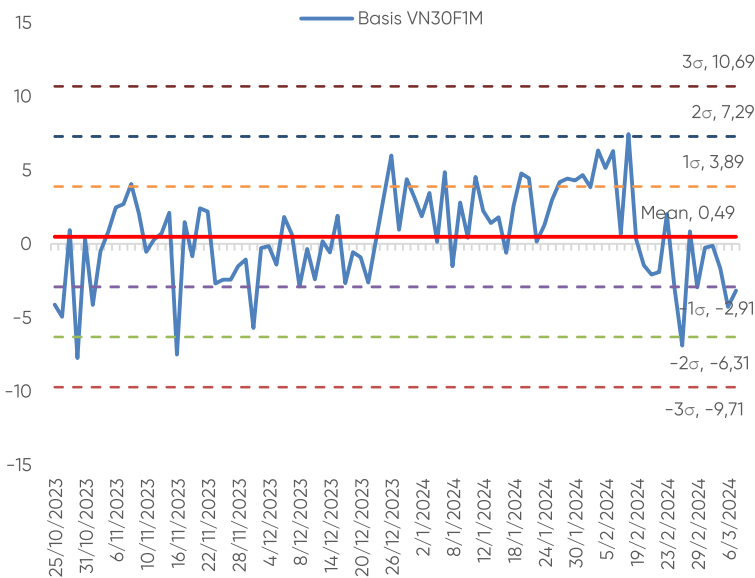
Đồ thị kỹ thuật VN30F1M



Xu hướng chỉ số VN30F1M

	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	NEUTRAL	BUY
Hỗ trợ	1.269	1.256	1.233
Kháng cự	1.281	1.288	1.328

Diễn biến độ lệch VN30F1M theo ngày



Biến động Thị trường chứng khoán

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.791,35	0,34	2,92
S&P 500	5.157,36	1,03	8,12
FTSE 100	7.692,46	0,17	-0,53
Hang Seng	16.447,64	1,34	-3,52
VNIndex	1.268,46	0,45	12,26
VN30	1.276,56	0,43	12,82

Biến động Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.157,92	-0,10	4,60
Dầu Brent	79,27	0,43	10,64
Dầu WTI	83,21	0,30	8,01
Than	135,50	-0,91	-7,45
Đồng	8.640,50	0,74	0,95
Quặng sắt	118,86	2,72	-13,82
Thép	552,00	0,82	-2,24

(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

TÂM LÝ VỮNG VÀNG

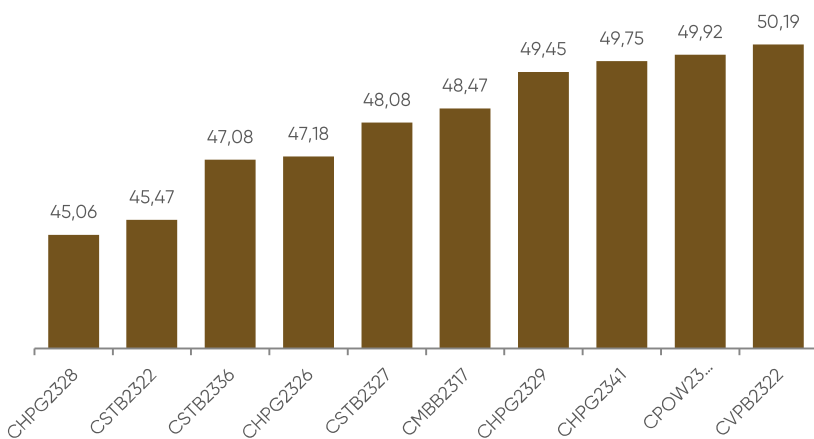
Top 5 CW có tổng điểm chất lượng cao nhất

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CHPG2328	4	4	4	4	4	4,8
CHPG2326	4	4	4	4	4	4,6
CMBB2312	4	4	4	4	4	4,6
CHPG2321	4	4	4	4	4	4,6
CMBB2311	4	4	4	4	4	4,6

Top 5 CW có mức sinh lời T+3 cao nhất

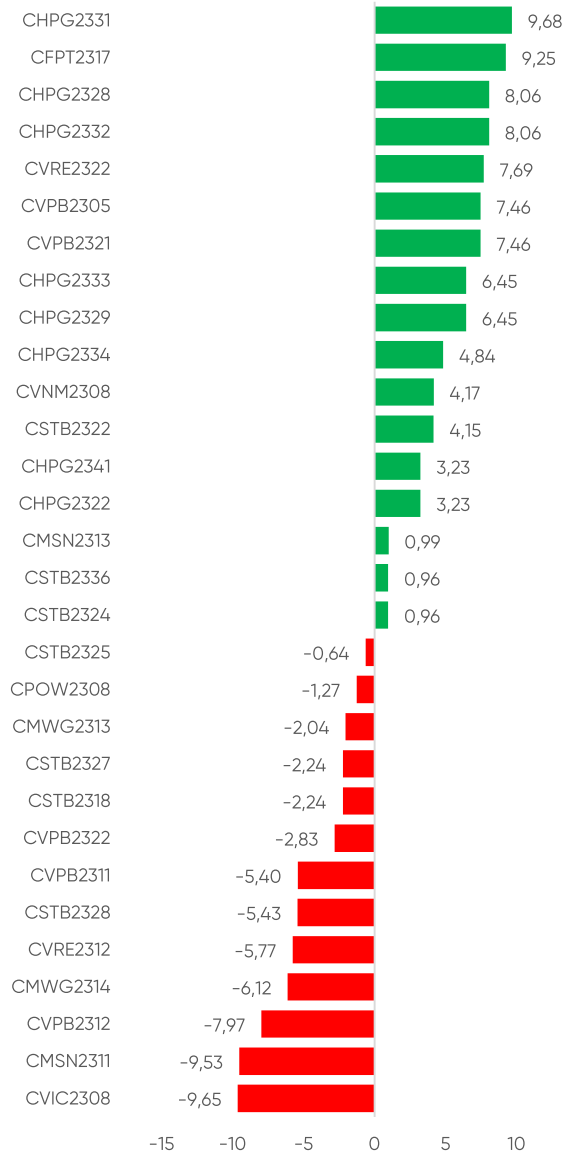
Mã CW	1 ngày	3 ngày	5 ngày	YTD
	(%)	(%)	(%)	(%)
CMSN2311	30,38	83,93	87,27	(51,18)
CMSN2313	20,00	60,98	60,98	18,92
CMWG2309	11,63	26,32	45,45	(75,76)
CTCB2306	0,36	9,77	3,69	49,47
CMWG2313	(1,85)	9,28	20,45	(19,08)

Top 10 CW có độ biến động nội hàm thấp nhất



(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

CW có trạng thái lãi/lỗ đến +/-10%



Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số mỗi CW

Tiêu chí	Không hấp dẫn	Ít hấp dẫn	Trung lập	Tương đối hấp dẫn	Hấp dẫn	Rất hấp dẫn
	Q(x) = 0	Q(x) = 1	Q(x) = 2	Q(x) = 3	Q(x) = 4	Q(x) = 5
Đòn bẩy hiệu quả (E)	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
Độ nhạy (S)	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
Hao mòn thời gian (T)	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
Độ biến động nội hàm (I)	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
Phần bù rủi ro (P)	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

TOP CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

STT	Mã	CPCS	Số ngày còn lại	Đòn bẩy hiệu quả	Độ nhạy	Delta	Hao mòn thời gian	Độ biến động nội hàm	Phản bù rủi ro	KLGD	GTGD triệu VNĐ
				lần	lần	%	% / ngày	%	%		
1	CHPG2328	HPG	60	6,04	1,43	70,94	(0,01)	45,06	3,68	1.006.500	1.864
2	CHPG2326	HPG	60	5,39	0,81	76,48	(0,00)	47,18	2,90	3.230.500	3.490
3	CMBB2312	MBB	151	3,21	1,64	79,57	(0,00)	53,19	4,67	518.300	1.579
4	CHPG2321	HPG	41	4,15	1,45	90,70	(0,00)	57,25	0,90	407.100	912
5	CMBB2311	MBB	60	3,69	2,04	87,67	(0,00)	59,44	1,64	50.800	151
6	CTCB2306	TCB	60	3,38	1,05	89,20	(0,00)	63,68	1,50	205.500	597
7	CHPG2329	HPG	151	4,17	1,00	61,86	(0,00)	49,45	8,39	38.000	87
8	CMBB2309	MBB	60	3,59	0,99	86,51	(0,00)	63,27	1,97	339.000	500
9	CMBB2318	MBB	200	2,78	0,92	83,82	(0,00)	51,65	3,93	1.082.600	1.997
10	CHPG2341	HPG	137	4,51	0,84	57,67	(0,00)	49,75	9,55	601.800	1.182
11	CSTB2322	STB	60	6,62	0,57	62,64	(0,01)	45,47	5,30	2.854.000	2.096
12	CHPG2322	HPG	132	4,20	0,77	57,99	(0,01)	55,15	10,58	127.600	265
13	CSTB2319	STB	41	4,71	0,37	78,57	(0,01)	64,50	2,94	228.900	130
14	CMBB2317	MBB	167	3,40	0,63	77,95	(0,00)	48,47	4,92	136.300	153
15	CSTB2336	STB	75	6,26	0,35	56,03	(0,01)	47,08	7,99	503.600	285
16	CFPT2316	FPT	137	2,83	0,72	82,88	(0,00)	61,11	2,96	467.700	1.476
17	CMBB2314	MBB	155	3,18	0,74	76,62	(0,00)	56,15	6,07	17.000	25
18	CSTB2318	STB	71	6,29	0,32	50,63	(0,02)	51,40	10,29	473.800	294
19	CSTB2324	STB	60	6,10	0,39	56,11	(0,01)	54,24	8,24	46.000	32
20	CVRE2322	VRE	137	3,82	0,85	65,74	(0,00)	55,55	9,50	696.400	1.019

TOP CW CÓ TỔNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CAO NHẤT

STT	Mã	CPCS	Số ngày còn lại	Đòn bẩy hiệu quả	Độ nhạy	Delta	Hao mòn thời gian	Độ biến động nội hàm	Phản bù rủi ro	KLGD	GTGD triệu VNĐ
				lần	lần	%	% / ngày	%	%		
1	CVNM2310	VNM	155	5,03	0,02	36,35	(0,06)	52,23	18,33	3.799.200	1.821
2	CVRE2315	VRE	216	3,95	0,16	45,00	(0,01)	55,10	26,77	3.371.600	1.179
3	CHPG2326	HPG	60	5,39	0,81	76,48	(0,00)	47,18	2,90	3.230.500	3.490
4	CSTB2328	STB	308	3,31	0,17	54,97	(0,00)	51,51	22,04	2.970.600	1.895
5	CSTB2322	STB	60	6,62	0,57	62,64	(0,01)	45,47	5,30	2.854.000	2.096
6	CVPB2315	VPB	308	3,75	0,05	40,45	(0,02)	52,19	36,76	2.456.300	849
7	CTCB2310	TCB	216	2,97	0,37	75,31	(0,00)	53,30	7,51	2.389.800	3.270
8	CHPG2334	HPG	308	2,95	0,21	61,73	(0,00)	54,44	16,06	2.230.700	1.824
9	CHPG2331	HPG	216	3,21	0,34	65,33	(0,00)	55,05	10,65	1.663.900	1.752
10	CVPB2314	VPB	155	5,12	0,04	33,70	(0,06)	54,06	29,97	1.298.100	389

(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
Đòn bẩy hiệu quả (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi / lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn Ví dụ: một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi khoảng 10%.
Độ nhạy (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ, một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
Hao mòn thời gian (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của CW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các CW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
Độ biến động nội hàm (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
Phần bù rủi ro (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
Giá trị nội tại (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện)*Tỷ lệ thực hiện, 0); Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS)*Tỷ lệ thực hiện, 0).
Giá trị thời gian (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:

**Miễn trừ trách nhiệm:**

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.